

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN B  
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2022/HS-ST  
Ngày: 20-9-2022.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B - TỈNH LÀO CAI**

***- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Bình Trọng

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Thu Hương;

2. Bà Trần Thị Huệ.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Phan Quốc Vương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa:*** Bà Dương Thị Mai Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 37/2022/TLST-HS ngày 26 tháng 8 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2022/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 9 năm 2022 đối với bị cáo:

N V S, tên gọi khác: Không, sinh ngày 09/6/1999 tại thành phố X, tỉnh Lào Cai; Nơi cư trú: Thôn P 2, xã H T, thành phố X, tỉnh Lào Cai; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; chức vụ đoàn thể, đảng phái: Không; con ông N V T sinh năm 1976; con bà V T X sinh năm 1977; vợ, con: chưa có; Bị cáo có 01 tiền án: Tại bản án hình sự sơ thẩm số 16/2019/HS-ST ngày 13/3/2019 của Tòa án nhân dân thành phố X, tỉnh Lào Cai xử phạt bị cáo N V S 02 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy, buộc S phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm; ngày 22/5/2019 S đã thi hành xong án phí hình sự sơ thẩm; ngày 24/10/2020 S đã chấp hành xong án phạt tù. Tính đến ngày phạm tội này (28/5/2022) bị cáo S chưa được xóa án tích; Tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ ngày 06/6/2022, tạm giam ngày 15/6/2021; hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện B, tỉnh Lào Cai - Có mặt.

***- Bị hại:*** Anh L V H sinh năm 1980 và chị H T T sinh năm 1980

Cùng địa chỉ nơi cư trú: Thôn X L, xã G P, huyện B, tỉnh Lào Cai do chị H T T làm đại diện theo uỷ quyền (Giấy uỷ quyền ngày 28/6/2022) - Chị T vắng mặt.

***- Người làm chứng:*** Ông Đ T V sinh năm 1951 và bà P T K sinh năm 1954

Cùng địa chỉ nơi cư trú: Tổ Y, phường P Z, thành phố X, tỉnh Lào Cai - Điều vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ ngày 28/5/2022 N V S thuê xe ôm đi từ xã C Đ, thành phố X đến khu vực ngã tư thuộc thôn H G, xã X V, huyện B với mục đích tìm mua ma túy để sử dụng cho bản thân. Do không mua được ma túy nên S đi bộ theo tỉnh lộ 152 để quay lại thành phố X, khi S đi đến khu vực thôn X L, xã G P, huyện B thì nhìn thấy ở sát bên phải Đ theo hướng S đi trên sân có dựng 01 chiếc xe máy, nhãn hiệu Honda Wave RSX, biển kiểm soát 24B2-916.42 màu sẫm đen, trên ổ khoá điện vẫn đang cắm chìa khoá sau này S mới biết đó là nhà và xe của chị H T T sinh năm 1980 và anh L V H sinh năm 1980. S quan sát thấy xung quanh không có ai nên đã nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe máy này. S đi bộ vào sân rồi dắt xe máy ra Đ, nổ máy xe và điều khiển xe đi về thôn P 2, xã H T, thành phố X, tỉnh Lào Cai. Khi đi đến khu vực đồi cây cách nhà khoảng 01 km, S dừng xe lại kiểm tra thấy bên trong có 01 đăng ký xe mang tên H T T và S cắt dấu xe tại đây. Đến ngày 02/6/2022 S điều khiển xe trộm cắp được và rủ V V Đ sinh năm 1989, trú tại (thôn P 2, xã H T, thành phố X, tỉnh Lào Cai) đến nhà vợ chồng Đ T V sinh năm 1951 và P T K sinh năm 1954 cùng trú tại Tổ Y, phường P Z, thành phố X hỏi vay được 5.000.000 đồng và để lại xe máy cùng đăng ký xe, bản photo sổ hộ khẩu gia đình S để làm tin và hẹn khoảng một tuần sau sẽ trả. Khi vay tiền S nói đây là xe mình mới mua lại chưa kịp sang tên đổi chủ. Sau khi vay được tiền S đưa cho V V Đ 2.500.000 đồng trả tiền ăn uống sinh hoạt của S trong khoảng thời gian ở nhờ nhà Đ. Đến ngày 04/6/2022 khi chi tiêu hết tiền, S tiếp tục đến hỏi vay của bà K 2.000.000 đồng và nói S muốn bán lại chiếc xe máy này nhưng bà K yêu cầu S phải có giấy chứng minh nhân dân thì mới mua xe, S hẹn bà K hôm sau sẽ mang giấy chứng minh nhân dân để bán xe. Tuy nhiên S chưa đến bán xe như đã hẹn thì sáng ngày 06/6/2022 một mình V V Đ đến nhà ông Đ T V, Đ nói dối ông V bản thân mình là N V H là anh trai của N V S muốn bán chiếc xe máy biển kiểm soát 24B2-916.42. Ông V xem sổ hộ khẩu do Đ đưa thấy đúng là tên N V H trong sổ hộ khẩu, nhưng Đ lại không mang theo giấy chứng minh nhân dân nên ông V yêu cầu Đ đưa về nhà thì mới mua xe. Đ đồng ý đưa ông V về nhà ở thôn P 2, xã H T, thành phố X, tỉnh Lào Cai. Sau khi được Đ dẫn về tận nhà, ông V tin tưởng và mua lại xe với số tiền là 8.000.000 đồng, do trước đó S đã vay 7.000.000 đồng nên ông V chỉ đưa tiếp số tiền còn thiếu là 1.000.000 đồng cho Đ. Sau khi mua bán xe xong, ông V vô tình xem trên mạng xã hội thấy có người đăng tin bị mất xe máy có đặc điểm giống với xe máy biển kiểm soát 24B2-916.42 nên ông V lại đến nhà Đ dẫn về trước khi mua xe máy nhưng không gặp Đ. Ông V hỏi người dân xung quanh thì lúc này mới biết đó là nhà của V V Đ chứ không phải là nhà của N V H. Ngay sau đó ông V đã đến Công an phường P H trình báo nội dung sự việc. Về phía N V S do không biết trước việc V V Đ đã giả danh là anh trai mình đến nhà ông V để bán xe nên S đã cầm chứng minh nhân dân đến nhà ông V để bán máy 24B2-916.42. Thấy vậy ông V đã báo cơ quan công an để giải quyết. Trên cơ sở tài liệu, chứng cứ đã thu thập được, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B đã bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp đối với N V S để điều tra về tội Trộm cắp tài sản.

Kết luận định giá trị tài sản số 20/KL-HĐĐGTS ngày 08/6/2022 của Hội đồng

định giá tài sản tổ tụng hình sự huyện B kết luận: 01 xe máy Honda Wave RSX, biển kiểm soát 24B2-916.42 đã qua sử dụng từ tháng 12/2020 có giá trị là 18.000.000 đồng.

Cáo trạng số 36/CT-VKS ngày 25/8/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai truy tố bị can N V S về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hình phạt chính: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Phạt bị cáo N V S từ 01 năm 06 tháng tù đến 02 năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- Về hình phạt bổ sung: Bị cáo nghiện chất ma túy, không có thu nhập, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Không đề nghị.

- Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Áp dụng nghị quyết 326 của Quốc hội để tuyên án phí theo quy định đối với bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tội danh và hình phạt: Tại phiên tòa bị cáo N V S đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, xét lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án; bị cáo là người nghiện chất ma túy và có nhân thân xấu, năm 2019 đã bị Tòa án nhân dân thành phố X xét xử về tội mua bán trái phép chất ma túy, đến nay chưa được xóa án tích nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học, tu dưỡng, rèn luyện bản thân mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, được gia đình nuôi ăn học hết lớp 9/12 nhưng vì muốn có tiền tiêu sài cá nhân, lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu trong việc trông coi, quản lý tài sản bất chấp quy định của pháp luật đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là chiếc xe máy Honda Wave RSX, biển kiểm soát 24B2-916.42 màu sẫm đen của vợ chồng chị H T T và anh L V H có giá trị 18.000.000 đồng (mười tám triệu đồng), tại Bản án hình sự sơ thẩm số 16/2019/HS-ST ngày 13-3-2019 N V S bị Tòa án nhân dân thành phố X xử phạt 02 năm tù, đến ngày 24/10/2020 mới chấp hành xong án phạt tù và ngày 28/5/2022 tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản khi chưa được xóa án tích, do vậy lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm. Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai truy tố đối với bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật. Hành vi của bị cáo N V S đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác, đồng thời gây ảnh hưởng sâu đến tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn nên cần phải xử lý nghiêm; ngoài hành vi phạm tội này, ngày 25/7/2022 bị cáo còn bị Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố X, tỉnh Lào Cai khởi tố, điều tra về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo Điều 175 của Bộ luật hình sự nên cần phải

cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, ra một mức án nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo mới có tác dụng răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung để cải tạo bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội. Xét thấy bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự; bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản lần này khi chưa được xoá án tích thuộc trường hợp tái phạm nên phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử sẽ xem xét, cân nhắc căn cứ tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân của bị cáo, căn cứ quyết định hình phạt theo quy định của Bộ luật hình sự để ra một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

[2]: Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo là người nghiện ma túy, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

[3] Trách nhiệm dân sự: Bị hại trong vụ án này là anh L V H và chị H T T bị mất trộm 01 chiếc Honda Wave RSX, biển kiểm soát 24B2-916.42 trị giá 18.000.000 đồng. Sau khi nhận lại tài sản, bị hại không yêu cầu bị cáo S phải bồi thường thiệt hại. Xét thấy là phù hợp nên không đề cập xử lý.

[4] Về xử lý vật chứng: Đối với chiếc xe máy Honda Wave RSX, biển kiểm soát 24B2-916.42. Tại quyết định xử lý vật chứng số 15, ngày 28/6/2022 Cơ quan cảnh sát điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng, trả lại chiếc xe máy trên cho chủ sở hữu hợp pháp là phù hợp nên không đề cập giải quyết.

[5] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lào Cai, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện.

Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm về mức hình phạt xử phạt tù bị cáo từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù là nghiêm khắc so với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân của bị cáo và căn cứ quyết định hình phạt nên Hội đồng xét xử không chấp nhận. Đối với các đề nghị khác của Viện kiểm sát thì hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Bị cáo N V S phải chịu 200.000 đồng tiền án phí Hình sự sơ thẩm quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm h,s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản

1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo N V S phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo N V S 01 (một) năm 05 (năm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ là ngày 06/6/2022.

3. Về án phí: Bị cáo N V S phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo đối với bản án: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- Sở tư pháp tỉnh;
- VKSND huyện B;
- Tòa án nhân dân TP X;
- PC (81); Công an huyện B;
- Chi cục THA DS huyện B;
- Nhà tạm giữ CA huyện B;
- Bị cáo; hị hại;
- Lưu: HS, THS, THAHS, TA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Đã ký và đóng dấu

**Trần Bình Trọng**

